

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

*Kèm theo*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	02 – 04
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	05 - 06
<b>3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	07 – 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 – 11
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 43

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 145.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng), tương đương 14.500.000 cổ phần, Mệnh giá cổ phần 10.000 VND/Cổ phần.

#### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Dương Thị Lam	Chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Lan Hương	Thành viên
Bà Phan Thị Thu Hiền	Thành viên
Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên
Bà Trần Huệ Linh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc của Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thái Dũng	Giám đốc
Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc
Bà Đinh Thị Chuyên	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 09/05/2023)
Ông Đào Mạnh Hùng	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 09/05/2023)
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên

#### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau :

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ thực góp</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	Số 19 Phố Hàng Khoai, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	54,04%
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	Số 21 Trần Khánh Dư, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	51%
<u>Tên Công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	KCN Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam	37,04%
Công ty Cổ phần Ẩm thực Hà Nội	Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	27,59%

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện bất thường nào có thể làm làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là Công ty thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

#### 8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Thay mặt Ban Giám đốc

  
NGUYỄN THÁI DŨNG

Số: 92/2023/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội được lập ngày 15 tháng 08 năm 2023, từ trang 08 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.


**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Qua rà soát báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Bắc Qua (Công ty con của Công ty), chúng tôi không xác định được tình hiện hữu và đầy đủ của các khoản phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta, bao gồm công nợ phải trả người bán với giá trị là 9.773.253.570 đồng và khoản chi phí phải trả dài hạn là lãi chậm trả với số tiền 8.919.671.660


đồng do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do đó, chúng tôi không thể xác định các ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên tới các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty.

#### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam 



  
Dương Thị Thảo  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0162-2023-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 01a – DN/HN

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>92.786.165.448</b>	<b>131.245.637.477</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>36.213.295.479</b>	<b>45.842.247.752</b>
1. Tiền	111		5.213.295.479	5.842.247.752
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.000.000.000	40.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.10</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>56.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		37.500.000.000	56.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.117.679.135</b>	<b>13.263.777.013</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.157.465.169	5.024.890.483
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.507.924.459	1.285.723.710
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	4.500.000.000	4.500.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	5.6	17.810.910.247	17.028.971.060
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.9	(14.858.620.740)	(14.575.808.240)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>1.732.873.853</b>	<b>13.345.049.906</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.732.873.853	13.345.049.906
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.222.316.981</b>	<b>2.794.562.806</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	102.780.762	251.958.836
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.827.099.252	705.593.955
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	292.436.967	1.837.010.015
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>133.796.775.321</b>	<b>120.840.305.593</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>161.854.959</b>	<b>201.854.959</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.3	50.000.000	190.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	111.854.959	11.854.959
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>53.254.275.546</b>	<b>55.602.177.949</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	53.254.275.546	55.602.177.949
- Nguyên giá	222		131.643.797.318	131.916.012.703
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.389.521.772)	(76.313.834.754)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	-	-
- Nguyên giá	228		227.000.000	227.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(227.000.000)	(227.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.7</b>	<b>77.116.880.034</b>	<b>61.489.582.072</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		77.116.880.034	61.489.582.072
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>2.854.268.894</b>	<b>2.902.742.178</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.069.641.529	2.118.114.813
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.173.049.254	1.173.049.254
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(388.421.889)	(388.421.889)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>409.495.888</b>	<b>643.948.435</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	409.495.888	643.948.435
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>226.582.940.769</b>	<b>252.085.943.070</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 01a – DN/HN

Tại ngày 30/06/2023

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>82.182.635.334</b>	<b>97.247.134.873</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.929.655.316</b>	<b>65.104.471.355</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	4.117.184.079	4.455.922.890
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	23.983.987	48.382.083
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	3.397.428.841	771.862.225
4. Phải trả người lao động	314		683.862.557	956.390.129
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	178.128.916	39.055.109
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	1.590.368.291	1.381.508.435
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	6.493.205.083	4.057.284.738
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	42.285.456.000	53.234.028.184
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		160.037.562	160.037.562
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>23.252.980.018</b>	<b>32.142.663.518</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	5.13	9.773.253.570	19.773.253.570
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.18	8.919.671.660	8.919.671.660
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	4.560.054.788	3.449.738.288
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>144.400.305.435</b>	<b>154.838.808.197</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>144.400.305.435</b>	<b>154.838.808.197</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		285.291.856	285.291.856
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(466.433.001)	(466.433.001)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		784.749.635	784.749.635
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(83.272.001.536)	(53.645.268.835)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(53.768.389.448)	(45.672.805.649)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(9.503.612.088)	(7.972.463.186)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.21	62.068.698.481	62.880.468.541
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>226.582.940.769</b>	<b>252.085.943.070</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Phùng Thị Thủy

Vũ Thị Mai Hồng

Nguyễn Thái Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 02a – DN/HN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	45.620.441.028	52.303.337.821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	99.674.871	14.947.800
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		45.520.766.157	52.288.390.021
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	37.527.338.560	36.799.871.923
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.993.427.597	15.488.518.098
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	2.714.191.790	1.961.994.376
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.624.189.111	2.939.755.466
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.624.189.111	2.923.706.631
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(48.473.284)	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	3.688.795.862	4.331.650.632
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	14.667.574.690	14.174.058.516
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.321.413.560)	(3.994.952.140)
12. Thu nhập khác	31	6.6	364.083.346	141.038.283
13. Chi phí khác	32	6.7	150.875.934	500.000
14. Lợi nhuận khác	40		213.207.412	140.538.283
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.108.206.148)	(3.854.413.857)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	207.176.000	146.640.000
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(10.315.382.148)	(4.001.053.857)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(9.503.612.088)	(2.751.517.100)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(811.770.060)	(1.249.536.757)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.12	(655)	(190)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	6.12	(655)	(190)

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phùng Thị Thúy

Vũ Thị Mai Hồng

Nguyễn Thái Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03a – DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(10.108.206.148)</b>	<b>(3.854.413.857)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.347.902.403	2.610.963.066
- Các khoản dự phòng	03		282.812.500	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.677.536.688)	(1.961.994.376)
- Chi phí lãi vay	06		2.624.189.111	2.923.706.631
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(7.530.838.822)</b>	<b>(281.738.546)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.905.802.864)	(234.123.558)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.612.176.053	7.858.972.189
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.568.521.459)	32.083.996.446
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		383.630.621	1.376.352.184
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(343.419.514)	(1.352.014.781)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(158.472.108)	(178.964.806)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(4.511.248.092)</b>	<b>39.272.479.128</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.627.297.962)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.000.000.000)	(48.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		42.500.000.000	15.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.946.347.783	275.514.751
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5.830.868.003</b>	<b>(33.224.485.249)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B 03a – DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Từ 01/01/2022  
đến 30/06/2022

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.933.163.095	59.785.432.726
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.881.735.279)	(33.940.923.719)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.643.310)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.948.572.184)</b>	<b>25.842.865.697</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.628.952.273)	31.890.859.576
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		45.842.247.752	4.827.978.841
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>36.213.295.479</b>	<b>36.718.838.417</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Người lập

Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng

Vũ Thị Mai Hồng



Kiểm soát

Nguyễn Thái Dũng

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09a- DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 145.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng), tương đương 14.500.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/Cổ phần.

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ, sản xuất, kinh doanh thương mại thực phẩm.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác. Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn các sản phẩm thuốc lá, thuốc lào;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim sơn trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09a- DN/HN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Tiếp theo)

- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện dân dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ chơi, trò chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và các vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ nước hoa, hàng mỹ phẩm, và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt, máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ, nhà khách và nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp:**

Trụ sở chính của Công ty tại số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 30/06/2023, số lượng lao động của Công ty là 63 người.

Ngoài ra, Công ty còn có các công ty con, công ty liên kết. Chi tiết:

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09a- DN/HN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Tiếp theo)

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ thực góp</u>
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Bắc Qua	Số 19 Phố Hàng Khoai, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	54,04%
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	Số 21 Trần Khánh Dư, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	51%
<u>Tên Công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc gia cầm	KCN Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam	37,04%
Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội	Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	27,59%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (Công ty mẹ), Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Bắc Qua (Công ty con), Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (Công ty mẹ), Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Bắc Qua (Công ty con), Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên (Công ty con) có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09a- DN/HN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Tiếp theo)

mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này

**4.3. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lợi nhuận kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

**Các khoản cho vay**

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

**Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nêu:**

(i) Có thời hạn thu hồi vốn trên 90 ngày và dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;



- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đời.

***Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo Phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**4.4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đời. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đời thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 09a- DN/HN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Tiếp theo)

**4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho"; Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.6.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn của pháp luật.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

**4.6.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn của pháp luật.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẫU số B 09a- DN/HN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Tiếp theo)

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm máy vi tính 05 năm

**4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng, bao gồm chi phí thuê nhà thầu thi công, chi phí lãi vay và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty được ghi nhận theo giá gốc.

**4.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**4.9. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.10. Ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**4.11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.12. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09a- DN/HN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.13. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

**4.14. Chi phí hoạt động tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**4.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong năm, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

**4.16. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

#### **4.17. Thuế**

##### ***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty là 10%.

##### ***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

#### **4.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### **4.19. Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

#### **4.20. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09a- DN/HN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Tiếp theo)

#### **4.21. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 8.5.

#### **4.22. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

##### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: Bán buôn, bán lẻ hàng hoá, thành phẩm và cung cấp dịch vụ.

##### **Khu vực địa lý:**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu tại miền Bắc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

<b>5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Tiền mặt	167.061.208	78.318.495
Tiền gửi ngân hàng	5.046.234.271	5.763.929.257
Các khoản tương đương tiền (*)	31.000.000.000	40.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>36.213.295.479</b>	<b>45.842.247.752</b>
(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		
<b>5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>4.157.465.169</b>	<b>5.024.890.483</b>
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Châu Á Thái Bình Dương	842.670.752	842.670.752
Công ty Cổ phần Phúc Thành Việt Nam	301.741.811	291.775.676
Công ty TNHH Xuất - Nhập khẩu và Bán lẻ hàng tiêu dùng Hà Nội	663.164.653	807.429.665
Công ty Cổ phần Kids Plaza	-	823.135.113
Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội	224.334.059	224.334.059
Các khách hàng khác	2.125.553.894	2.035.545.218
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>4.157.465.169</b>	<b>5.024.890.483</b>
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.507.924.459</b>	<b>1.285.723.710</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	312.692.923	312.692.923
Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	213.748.023	267.113.916
Molika	245.757.313	245.757.313
CN Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long - TT tư vấn , thiết kế giám sát hệ thống PCCC và TBBV	125.017.443	-
Các đối tượng khác	610.708.757	460.159.558
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>50.000.000</b>	<b>190.000.000</b>
Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Khảo sát Hưng Thịnh	-	140.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.557.924.459</b>	<b>1.475.723.710</b>
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>312.692.923</b>	<b>312.692.923</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	312.692.923	312.692.923

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**5.4 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm (1)	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội (2)	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>(4.500.000.000)</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>(4.500.000.000)</b>

**b) Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm (1)	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
---	---------------	-----------------	---------------	-----------------

(1) Phải thu về cho vay với Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc gia cầm theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 17/HĐTD ngày 07/12/2012, số tiền cho vay: 2.000.000.000 VND, thời hạn cho vay: 3 tháng, lãi suất cho vay: 15%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục số 06-17/PLHĐTD ngày 01/11/2014 sửa đổi lãi suất thành 9%/năm từ 01/11/2014 và phụ lục số 07-17/PLHĐTD ngày 02/01/2015 gia hạn thời gian cho vay đến 30/06/2015.

- Hợp đồng số 55/HĐTD ngày 26/08/2014, số tiền cho vay: 1.500.000.000 VND, thời hạn cho vay: 12 tháng, lãi suất cho vay: 10%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục số 01-55/PLHĐTD ngày 01/11/2014 sửa đổi lãi suất thành 9%/năm từ 01/11/2014.

(2) Hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 01/06/2013, số tiền cho vay: 1.000.000.000 VND, thời hạn cho vay: 3 tháng, lãi suất cho vay: 13%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục số 04-60/PLHĐVV-PTST sửa đổi lãi suất thành 9%/năm và gia hạn thời gian cho vay đến 31/12/2015.

**5.5 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	24.375.004	-	24.375.004	-
Hàng hóa	1.708.498.849	-	13.320.235.790	-
Hàng gửi bán	-	-	439.112	-
<b>Cộng</b>	<b>1.732.873.853</b>	<b>-</b>	<b>13.345.049.906</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**5.6 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>17.810.910.247</b>	<b>(7.718.349.348)</b>	<b>17.028.971.060</b>	<b>(7.435.536.848)</b>
Tạm ứng	8.787.354.763	-	7.773.259.583	-
Phải thu khác	9.023.555.484	(7.718.349.348)	9.255.711.477	(7.435.536.848)
+ Lãi cho vay Công ty Cổ phần sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	4.461.006.946	(4.461.006.946)	4.223.444.446	(4.223.444.446)
+ Lãi cho vay Công ty Cổ phần Phát triển siêu thị	736.804.555	(736.804.555)	691.554.555	(691.554.555)
+ Lãi tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Á Châu	497.769.862	-	149.739.725	-
+ Lãi tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	629.260.274	-	1.492.258.904	-
+ Nguyễn Quốc Hùng (*)	2.260.864.514	(2.260.864.514)	2.260.864.514	(2.260.864.514)
+ Các khoản khác	437.849.333	(259.673.333)	437.849.333	(259.673.333)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>111.854.959</b>	<b>-</b>	<b>11.854.959</b>	<b>-</b>
Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	111.854.959	-	11.854.959	-
<b>Cộng</b>	<b>17.922.765.206</b>	<b>(7.718.349.348)</b>	<b>17.040.826.019</b>	<b>(7.435.536.848)</b>

(\*) Khoản phải thu Ông Nguyễn Quốc Hùng về tài sản thiếu hụt của Trung tâm Kinh doanh thực phẩm tổng hợp sau khi chấm dứt hoạt động mà Ông Nguyễn Quốc Hùng phải chịu trách nhiệm thu hồi và hoàn trả cho Công ty theo Biên bản làm việc ngày 24/5/2017 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội.

**c) Phải thu khác là các bên liên quan**

	30/06/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc gia cầm	4.461.006.946	4.223.444.446

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN/HN**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**5.7 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án: "Đầu tư Xây dựng Khu nhà ở" tại địa chỉ số 54 ngõ 459 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội (1)	1.239.269.981	1.239.269.981
Dự án: "Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Cửu Long" tại địa chỉ số 253 Phố Vọng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội (2)	2.068.594.048	2.068.594.048
Công trình Siêu thị Thương mại dịch vụ Bắc Qua (3)	69.721.316.210	54.094.018.248
Tòa nhà thương mại HFC - Lãng Yên	4.087.699.795	4.087.699.795
<b>Cộng</b>	<b>77.116.880.034</b>	<b>61.489.582.072</b>

(1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 629/2009/HANOIFOOD-COTANA ngày 02/11/2009 giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV Thực phẩm Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội) gọi là bên (A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana) gọi là bên (B). Mục đích của hợp đồng là Hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng khu đất tại ngõ 459 Bạch Mai - Hai Bà Trưng - Hà Nội, Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tòa nhà chung cư trên khu đất này với quy mô xây dựng dự kiến: Tổng diện tích khu đất 2.085,9 m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng 50%; đất xây dựng tòa nhà chung cư 25 tầng với 1.000 m<sup>2</sup>; diện tích xây dựng sân vườn, đường nội bộ 1.085,9 m<sup>2</sup>.

(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 103/HĐKTKD ngày 13/09/2010 giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV Thực phẩm Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội) gọi là bên (A) và Liên doanh Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (Vinaconex R&D) do Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta làm đại diện gọi là bên (B). Lô đất là phần diện tích đất tại 253 Phố Vọng - Hai Bà Trưng - Hà Nội có diện tích 3.255,7 m<sup>2</sup>, diện tích thực tế được xác định theo biên bản bàn giao đất. Mục đích của hợp đồng hợp tác kinh doanh để cùng triển khai thực hiện Dự án, khai thác kinh doanh mặt bằng dự án sau đầu tư và phân chia lợi nhuận từ hoạt động trên khu đất trên. Sản phẩm của hợp đồng này là diện tích tính theo m<sup>2</sup> của căn hộ, văn phòng và các phần diện tích hữu ích khác trong phạm vi lô đất, các dịch vụ sinh lời có thể phát sinh theo thời gian.

(3) Dự án đầu tư Siêu thị Thương mại Bắc Qua được cấp phép theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000877 ngày 06/10/2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Dự án Siêu thị thương mại dịch vụ Bắc Qua đã được thi công xong phần thô vào ngày 22/6/2023 và đang thi công hoàn thiện.

**5.8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>102.780.762</b>	<b>251.958.836</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	250.322.472
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	102.780.762	1.636.364
<b>b) Dài hạn</b>	<b>409.495.888</b>	<b>643.948.435</b>
Lợi thế kinh doanh	189.509.350	241.193.728
Công cụ dụng cụ xuất dùng	59.260.838	103.802.576
Chi phí trả trước dài hạn khác	160.725.700	298.952.131
<b>Cộng</b>	<b>512.276.650</b>	<b>895.907.271</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

**5.9 NỢ XẤU**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Hợp tác xã Sông Công	175.000.000	-	175.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển thương mại và Du lịch Hà Nội	84.673.333	-	84.673.333	-
Nguyễn Quốc Hùng	2.260.864.514	-	2.260.864.514	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	7.961.006.946	-	7.723.444.446	-
Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	1.736.804.555	-	1.691.554.555	-
Các đối tượng khác	2.640.271.392	-	2.640.271.392	-
<b>Cộng</b>	<b>14.858.620.740</b>	<b>-</b>	<b>14.575.808.240</b>	<b>-</b>

**5.10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>Ngắn hạn (i)</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>56.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu	11.500.000.000	11.500.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	26.000.000.000	26.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>56.000.000.000</b>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại nếu trên đều đang được cầm có tại các ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng chiết khấu; các văn bản liên quan tới việc mở L/C mà ngân hàng ký với Công ty trước, cũng hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng cầm có. Thời hạn của các hợp đồng cầm có. Thời điểm ký đến khi toàn bộ nghĩa vụ được Công ty thanh toán xong.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý (*)
<b>- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>17.900.000.000</b>	<b>2.069.641.529</b>	<b>17.900.000.000</b>	<b>2.118.114.813</b>
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc, Gia cầm (1)	17.500.000.000	1.820.093.217	17.500.000.000	1.821.256.320
+ Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội (2)	400.000.000	249.548.312	400.000.000	296.858.493
<b>- Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>1.173.049.254</b>	<b>(388.421.889)</b>	<b>1.173.049.254</b>	<b>(388.421.889)</b>
+ Công ty Cổ phần Thủy sản Kiên Giang	100.000.000	-	100.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Sản xuất chế biến thực phẩm Hà Nội	1.073.049.254	(388.421.889)	1.073.049.254	(388.421.889)

(1) Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc, gia cầm thành lập và đăng ký lần đầu ngày 17/01/2007, người đại diện theo pháp luật là Ông Trần Duy Hiền, vốn điều lệ tại ngày 30/06/2023 là 47.250.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc, Gia cầm là Sản xuất thực phẩm.

(2) Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội thành lập và đăng ký lần đầu ngày 23/03/2013, người đại diện theo pháp luật là Bà Vũ Thị Thu Hương. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội là Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

(\*) Xem thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.4.IV - Giá trị hợp lý

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**Mẫu số B 09a - DN/HN****5.11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa		Máy móc		Phương tiện		Thiết bị		Cộng
	nhà	kiến trúc	thiết bị	thiết bị	xe tải	xe tải	đụng cụ quản lý	đụng cụ quản lý	
<b>I. Nguyên giá</b>									
Số dư đầu kỳ	121.547.685.208	-	4.203.350.602	-	4.501.558.167	-	1.663.418.726	-	<b>131.916.012.703</b>
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	220.277.865	220.277.865	-	-	51.937.520	-	<b>272.215.385</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	220.277.865	220.277.865	-	-	51.937.520	-	<b>272.215.385</b>
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	121.547.685.208	-	3.983.072.737	-	4.501.558.167	-	1.611.481.206	-	<b>131.643.797.318</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>									
Số dư đầu kỳ	66.719.980.576	-	3.551.658.659	-	4.405.008.713	-	1.637.186.806	-	<b>76.313.834.754</b>
Tăng trong kỳ	2.240.412.193	-	80.310.756	-	19.309.884	-	7.869.570	-	<b>2.347.902.403</b>
- Số khấu hao trong kỳ	2.240.412.193	-	80.310.756	-	19.309.884	-	7.869.570	-	<b>2.347.902.403</b>
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	220.277.865	220.277.865	-	-	51.937.520	-	<b>272.215.385</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	220.277.865	220.277.865	-	-	51.937.520	-	<b>272.215.385</b>
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	68.960.392.769	-	3.411.691.550	-	4.424.318.597	-	1.593.118.856	-	<b>78.389.521.772</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>									
1. Tại ngày đầu kỳ	54.827.704.632	-	651.691.943	-	96.549.454	-	26.231.920	-	<b>55.602.177.949</b>
2. Tại ngày cuối kỳ	52.587.292.439	-	571.381.187	-	77.239.570	-	18.362.350	-	<b>53.254.275.546</b>

• Giá trị còn lại tài sản cố định cuối kỳ dùng làm cơ sở để chấp thuận vay:

• Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.064.214.932 VND

- VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**5.12 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

KHOẢN MỤC	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
Số dư tại 01/01/2023	227.000.000	227.000.000
Số dư tại 30/06/2023	227.000.000	227.000.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư tại 01/01/2023	227.000.000	227.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2023	227.000.000	227.000.000
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Tại ngày 30/06/2023	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 227.000.000 VND

**5.13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>4.117.184.079</b>	<b>4.117.184.079</b>	<b>4.455.922.890</b>	<b>4.455.922.890</b>
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	330.571.127	330.571.127	441.380.540	441.380.540
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hà Nội	2.004.138.166	2.004.138.166	1.944.567.030	1.944.567.030
Các đối tượng khác	1.782.474.786	1.782.474.786	2.069.975.320	2.069.975.320
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>9.773.253.570</b>	<b>9.773.253.570</b>	<b>19.773.253.570</b>	<b>19.773.253.570</b>
Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Delta	9.773.253.570	9.773.253.570	19.773.253.570	19.773.253.570
<b>Cộng</b>	<b>13.890.437.649</b>	<b>13.890.437.649</b>	<b>24.229.176.460</b>	<b>24.229.176.460</b>

c) Phải trả người bán là các bên liên quan

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**5.14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>23.983.987</b>	<b>23.983.987</b>	<b>48.382.083</b>	<b>48.382.083</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	8.623.855	8.623.855	8.623.855	8.623.855
Công ty Cổ phần Veetex	-	-	13.047.983	13.047.983
CN Công ty TNHH MTV Hội nhập phát triển Đồng Hưng tại TP	5.378.734	5.378.734	5.378.734	5.378.734
Công ty cổ phần Thực Phẩm Bình Hưng	8.649.870	8.649.870	-	-
Các đối tượng khác	1.331.528	1.331.528	21.331.511	21.331.511
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>23.983.987</b>	<b>23.983.987</b>	<b>48.382.083</b>	<b>48.382.083</b>
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				

**5.15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2023
	<b>a) Phải nộp</b>	<b>771.862.225</b>	<b>8.464.305.164</b>	<b>5.838.738.548</b>
Thuế GTGT	314.971.451	1.928.378.791	1.348.921.343	894.428.899
Thuế TNDN	65.893.488	239.754.620	158.472.108	147.176.000
Thuế TNCN	51.540.117	209.061.278	200.969.295	59.632.100
Thuế nhà đất, tiền thuế đất và các loại thuế khác	-	6.087.110.475	4.128.993.295	1.958.117.180
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	339.457.169	-	1.382.507	338.074.662
	<b>01/01/2023</b>	<b>Số phải thu trong kỳ</b>	<b>Số đã thu trong kỳ</b>	<b>30/06/2023</b>
<b>b) Phải thu</b>	<b>1.837.010.015</b>	<b>1.461.356.689</b>	<b>3.005.929.737</b>	<b>292.436.967</b>
Thuế TNDN	1.121.095	-	-	1.121.095
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	1.835.888.920	1.461.356.689	3.005.929.737	291.315.872

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**5.16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN****a) Ngắn hạn**

- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản

**Cộng**

	30/06/2023	01/01/2023
- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	1.590.368.291	1.381.508.435
<b>Cộng</b>	<b>1.590.368.291</b>	<b>1.381.508.435</b>

**5.17 . PHẢI TRẢ KHÁC****a) Ngắn hạn**

Phải trả, phải nộp khác

+ Cổ tức phải trả

+ Thù lao HDQT, BKS

+ Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP

+ Các đối tượng khác

**b) Dài hạn**

Nhân ký quỹ, ký cược dài hạn

**Cộng****c) Phải trả khác là các bên liên quan**

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP

	30/06/2023	01/01/2023
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>6.493.205.083</b>	<b>4.057.284.738</b>
Phải trả, phải nộp khác	6.493.205.083	4.057.284.738
+ Cổ tức phải trả	20.470.300	20.470.300
+ Thù lao HDQT, BKS	285.500.000	157.500.000
+ Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	6.149.257.252	3.868.487.655
+ Các đối tượng khác	37.977.531	10.826.783
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4.560.054.788</b>	<b>3.449.738.288</b>
Nhân ký quỹ, ký cược dài hạn	4.560.054.788	3.449.738.288
<b>Cộng</b>	<b>11.053.259.871</b>	<b>7.507.023.026</b>

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	6.149.257.252	3.868.487.655
---------------------------------------	---------------	---------------

**5.18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ****a) Ngắn hạn**

Chi phí tiền điện, tiền nước phải trả

Chi phí khác

**b) Dài hạn**

Lãi chậm trả Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Delta

**Cộng**

	30/06/2023	01/01/2023
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>178.128.916</b>	<b>39.055.109</b>
Chi phí tiền điện, tiền nước phải trả	58.128.916	39.055.109
Chi phí khác	120.000.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>8.919.671.660</b>	<b>8.919.671.660</b>
Lãi chậm trả Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Delta	8.919.671.660	8.919.671.660
<b>Cộng</b>	<b>9.097.800.576</b>	<b>8.958.726.769</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Đơn vị tính: VND**5.19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	Trong năm					Số có khả năng trả nợ
	30/06/2023	Tăng	Giảm	Giá trị	01/01/2023	
<b>a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>42.285.456.000</b>	<b>3.933.163.095</b>	<b>14.881.735.279</b>	<b>53.234.028.184</b>	<b>53.234.028.184</b>	
<b>a1) Vay ngắn hạn</b>	<b>41.812.200.000</b>	<b>3.933.163.095</b>	<b>14.408.349.279</b>	<b>52.287.386.184</b>	<b>52.287.386.184</b>	
- Tổng Công ty Thương mại Hà Nội (1)	41.812.200.000	-	-	41.812.200.000	41.812.200.000	
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	-	3.933.163.095	14.408.349.279	10.475.186.184	10.475.186.184	
<b>a2) Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>473.256.000</b>	<b>-</b>	<b>473.386.000</b>	<b>946.642.000</b>	<b>946.642.000</b>	
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà (2)	473.256.000	-	473.386.000	946.642.000	946.642.000	
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>Cộng</b>	<b>42.285.456.000</b>	<b>3.933.163.095</b>	<b>14.881.735.279</b>	<b>53.234.028.184</b>	<b>53.234.028.184</b>	

**b) Vay và nợ thuế tài chính các bên liên quan**

- Tổng Công ty Thương mại Hà Nội (1) 41.812.200.000 41.812.200.000 41.812.200.000 41.812.200.000

(1) Khoản vay Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP theo Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/2022/HAPRO-THUCPHAM ngày 28/2/2022 và Phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/2022/HAPRO-THUCPHAM-PL05 ngày 28/5/2023;

- Số tiền vay là 41.812.200.000 VND;

- Mục đích sử dụng tiền vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất vay 11%/năm;

- Thời hạn vay: đến ngày 28/08/2023.

(2) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo hợp đồng số 1260LAV201700266 ký ngày 23/11/2017; hạn mức tín dụng là 9.800.000.000 đồng; mục đích khoản vay để đầu tư xây dựng dự án 'Cửa hàng thương mại dịch vụ Đồng Xuân'; thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo chính là tài sản hình thành trong tương lai thuộc công trình xây dựng Cửa hàng thương mại Đồng Xuân tại số 26 Cao Thắng, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a - DN/HN

**5.20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>(466.433.001)</b>	<b>285.291.856</b>	<b>784.749.635</b>	<b>28.215.206.815</b>	<b>(45.449.113.918)</b>	<b>128.369.701.388</b>
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	35.666.220.000	-	35.666.220.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	(1.224.650.005)	(7.972.463.186)	(9.197.113.191)
Tăng khác	-	-	-	-	223.691.731	-	223.691.731
Giảm khác	-	-	-	-	-	223.691.731	223.691.731
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>(466.433.001)</b>	<b>285.291.856</b>	<b>784.749.635</b>	<b>62.880.468.541</b>	<b>(53.645.268.835)</b>	<b>154.838.808.197</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	(811.770.060)	(9.503.612.088)	(10.315.382.148)
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	123.120.613	123.120.613
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>(466.433.001)</b>	<b>285.291.856</b>	<b>784.749.635</b>	<b>62.068.698.481</b>	<b>(63.272.001.536)</b>	<b>144.400.305.435</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**5.20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp (%)</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	20,00%	28.995.500.000	28.995.500.000
CTCP Chứng khoán Phố Wall	18,76%	27.204.000.000	27.204.000.000
Các cổ đông khác	61,24%	88.800.500.000	88.800.500.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>145.000.000.000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp đầu năm		145.000.000.000	145.000.000.000
- Vốn góp cuối năm		145.000.000.000	145.000.000.000
<b>d) Cổ phiếu</b>		<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		14.500.000	14.500.000
- Cổ phiếu phổ thông		14.500.000	14.500.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành		10.000	10.000
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>		<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
- Quỹ đầu tư phát triển		784.749.635	784.749.635

**5.21 . LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Bắc Qua	40.738.104.234	41.955.750.454
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	21.330.594.247	20.924.718.087
<b>Cộng</b>	<b>62.068.698.481</b>	<b>62.880.468.541</b>

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
<b>a) Doanh thu</b>	<b>45.620.441.028</b>	<b>52.303.337.821</b>
Doanh thu bán hàng	28.884.087.587	38.150.836.740
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.736.353.441	14.152.501.081
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>45.620.441.028</b>	<b>52.303.337.821</b>

**6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Giảm giá hàng bán	-	14.947.800
Hàng bán bị trả lại	99.674.871	-
<b>Cộng</b>	<b>99.674.871</b>	<b>14.947.800</b>

**6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Giá vốn của hàng đã bán	33.795.204.183	32.895.043.053
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.732.134.377	3.904.828.870
<b>Cộng</b>	<b>37.527.338.560</b>	<b>36.799.871.923</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền gửi, cho vay	2.714.191.790	1.961.994.376
<b>Cộng</b>	<b>2.714.191.790</b>	<b>1.961.994.376</b>
<b>6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
Chi phí lãi vay	2.624.189.111	2.923.706.631
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm, các khoản khác	-	16.048.835
<b>Cộng</b>	<b>2.624.189.111</b>	<b>2.939.755.466</b>
<b>6.6 . THU NHẬP KHÁC</b>		
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	11.818.182	-
- Thu nhập từ thanh lý	11.818.182	-
Các khoản khác	352.265.164	141.038.283
<b>Cộng</b>	<b>364.083.346</b>	<b>141.038.283</b>
<b>6.7 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
Các khoản phạt	148.775.691	500.000
Các khoản khác	2.100.243	-
<b>Cộng</b>	<b>150.875.934</b>	<b>500.000</b>
<b>6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
<b>a) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>3.688.795.862</b>	<b>4.331.650.632</b>
Chi phí nhân viên	1.643.014.615	2.029.837.042
Chi phí vật liệu bao bì	-	690.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.309.884	273.027.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	767.933.061	771.308.459
Chi phí bằng tiền khác	1.258.538.302	1.256.787.918
<b>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>14.667.574.690</b>	<b>14.174.058.516</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.125.385.143	3.168.368.846
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	29.686.576	14.572.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	423.389.768	535.826.111
Thuế, phí và lệ phí	9.094.496.853	8.586.147.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	639.368.855	633.419.317
Chi phí bằng tiền khác	1.072.434.995	1.235.723.848
Chi phí dự phòng	282.812.500	-
	<b>18.356.370.552</b>	<b>18.505.709.148</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

<b>6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Chi phí vật liệu bao bì dụng cụ đồ dùng	-	15.262.550
Chi phí nhân công	4.826.528.209	5.198.205.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.347.902.403	2.610.963.056
Thuế, phí và lệ phí	9.094.496.853	8.586.147.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.873.580.939	1.404.727.776
Chi phí bằng tiền khác	2.410.430.240	3.842.190.509
Chi phí dự phòng	282.812.500	-
<b>Cộng</b>	<b>21.835.751.143</b>	<b>21.657.497.623</b>

<b>6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	207.176.000	146.640.000
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>207.176.000</b>	<b>146.640.000</b>

**6.12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	(9.503.612.088)	(2.751.517.100)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.500.000	14.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(655)</b>	<b>(190)</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

<b>1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.933.163.095	59.785.432.726
<b>2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	14.881.735.279	33.940.923.719

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngoài ra, đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty bị phản ánh sai lệch.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

### 8.3. BẢO CÁO BỘ PHẬN

#### 8.3.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực (Chính yếu)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Kỳ này

Chi tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tổng
Doanh thu thuần	28.784.412.716	16.736.353.441	45.520.766.157
Giá vốn	33.795.204.183	3.732.134.377	37.527.338.560
Lợi nhuận gộp	(5.010.791.467)	13.004.219.064	7.993.427.597
Tổng giá trị còn lại của tài sản			226.582.940.769
Nợ phải trả			82.182.635.334
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)			12.109.091
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			2.588.687.021
Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn			282.812.500

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Đơn vị tính: VND

Kỳ trước

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tổng
Doanh thu thuần	38.135.888.940	14.152.501.081	52.288.390.021
Giá vốn	32.895.043.053	3.904.828.870	36.799.871.923
Lợi nhuận gộp	5.240.845.887	10.247.672.211	15.488.518.098
Tổng giá trị còn lại của tài sản			274.552.965.888
Nợ phải trả			100.523.514.787

Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)

Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn

6.712.339.889

#### 8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (thứ yếu)

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì doanh thu bán hàng và dịch vụ chỉ phát sinh ở địa bàn miền Bắc.

#### **8.4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**(iii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 30/06/2023</b>	<b>100.181.670.895</b>	<b>2.966.123.853</b>	<b>103.147.794.748</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.213.295.479	-	36.213.295.479
Phải thu khách hàng	4.157.465.169	-	4.157.465.169
Đầu tư	37.500.000.000	2.854.268.894	40.354.268.894
Phải thu về cho vay	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Phải thu khác	17.810.910.247	111.854.959	17.922.765.206
<b>Trừ:</b>	<b>(14.858.620.740)</b>	<b>(388.421.889)</b>	<b>(14.858.620.740)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(14.858.620.740)	-	(14.858.620.740)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(388.421.889)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.323.050.155</b>	<b>2.577.701.964</b>	<b>88.289.174.008</b>
Các khoản vay và nợ	42.285.456.000	-	42.285.456.000
Phải trả người bán	4.117.184.079	9.773.253.570	13.890.437.649
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	6.671.333.999	13.479.726.448	20.151.060.447
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.073.974.078</b>	<b>23.252.980.018</b>	<b>76.326.954.096</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>32.249.076.077</b>	<b>(20.675.278.054)</b>	<b>11.962.219.912</b>

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 01/01/2023</b>	<b>128.396.109.295</b>	<b>2.914.597.137</b>	<b>131.310.706.432</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.842.247.752	-	45.842.247.752
Phải thu khách hàng	5.024.890.483	-	5.024.890.483
Đầu tư	56.000.000.000	2.902.742.178	58.902.742.178
Phải thu về cho vay	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Phải thu khác	17.028.971.060	11.854.959	17.040.826.019
<b>Trừ:</b>	<b>(14.858.620.740)</b>	<b>(388.421.889)</b>	<b>(15.247.042.629)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(14.858.620.740)	-	(15.247.042.629)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(388.421.889)	(388.421.889)
<b>Tổng cộng</b>	<b>113.537.488.555</b>	<b>2.526.175.248</b>	<b>116.063.663.803</b>
Các khoản vay và nợ	53.234.028.184	-	53.234.028.184
Phải trả người bán	4.455.922.890	19.773.253.570	24.229.176.460
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	4.096.339.847	12.369.409.948	16.465.749.795
<b>Tổng cộng</b>	<b>61.786.290.921</b>	<b>32.142.663.518</b>	<b>93.928.954.439</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>51.751.197.634</b>	<b>(29.616.488.270)</b>	<b>22.134.709.364</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**Mẫu số B 09a - DN/HN**

Đơn vị tính: VND

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi số bằng giá gốc trừ các khoản dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi số		
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023
			<b>Giá trị hợp lý</b>
			<b>01/01/2023</b>
<b>Tài sản tài chính</b>			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.080.230.375	22.065.716.502	22.080.230.375
Đầu tư	40.354.268.894	58.902.742.178	(*)
Phải thu về cho vay	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.213.295.479	45.842.247.752	36.213.295.479
<b>Tổng cộng</b>	<b>103.147.794.748</b>	<b>131.310.706.432</b>	<b>(*)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Vay và nợ	42.285.456.000	53.234.028.184	42.285.456.000
Phải trả người bán	13.890.437.649	24.229.176.460	13.890.437.649
Phải trả khác và chi phí phải trả	20.151.060.447	16.465.749.795	20.151.060.447
<b>Tổng cộng</b>	<b>76.326.954.096</b>	<b>93.928.954.439</b>	<b>76.326.954.096</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01/01/2023 và ngày 30/06/2023. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trong yếu tố giá trị ghi số của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN/HN**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**8.5 . Thông tin về các bên liên quan****a) Các bên liên quan**

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm

Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội

Bà Dương Thị Lam

Bà Ngô Lan Hương

Bà Phan Thị Thu Hiền

Bà Phạm Diễm Hoa

Bà Trần Huệ Linh

Bà Nguyễn Thu Hương

Ông Đào Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Việt Hùng

Ông Nguyễn Việt Thắng

Ông Nguyễn Thái Dũng

Ông Chu Việt Cường

Bà Lê Thị Ngọc Diệp

Bà Đinh Thị Chuyên

Ngoài ra, các bên liên quan còn bao gồm các cá nhân có mối quan hệ vợ, chồng,... của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Ngoài các thuyết minh về các bên liên quan đã nêu trên, trong kỳ Công ty có những giao dịch với các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội	Tiền thuê mặt bằng	275.181.818
	Thu tiền đặt cọc	7.250.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	Lãi cho vay	237.562.500
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	Lãi vay	2.280.769.597

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN/HN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

**b) Thu nhập trong kỳ của các thành viên trong Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Bà Dương Thị Lam	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Ngô Lan Hương	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Đinh Tiến Thành	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm 20/5/2022)	-	15.000.000
Bà Phan Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm 20/5/2022)	18.000.000	3.000.000
Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Huệ Linh	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 09/05/2023)	8.000.000	12.000.000
Ông Đào Mạnh Hùng	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 09/05/2023)	4.000.000	-
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên ban kiểm soát	6.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên ban kiểm soát	6.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Thái Dũng	Giám đốc	340.194.085	197.849.242
Bà Nguyễn Ngọc Dung	Giám đốc (Miễn nhiệm 25/01/2022)	-	69.782.637
Ông Chu Việt Cường	Phó giám đốc	179.987.353	164.656.052
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó giám đốc	130.819.353	127.296.022
Bà Đinh Thị Chuyên	Phó giám đốc	23.547.917	127.661.363
<b>Tổng cộng</b>		<b>800.548.708</b>	<b>813.245.316</b>

**8.7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội, đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**8.8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**8.9. Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Người lập



Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng



Vũ Thị Mai Hồng

Giám đốc



Nguyễn Thái Dũng